Tài nguyên thiên nhiên Phúc hay Họa?





1

Nội dung

- *Tài nguyên* và *tăng trưởng*
- *Lời nguyền tài nguyên* đến từ đâu?
- Nước giàu tài nguyên luôn *phụ thuộc* tài nguyên?
- Làm thế nào *sử dụng tài nguyên thành công cho công nghiệp hóa*?



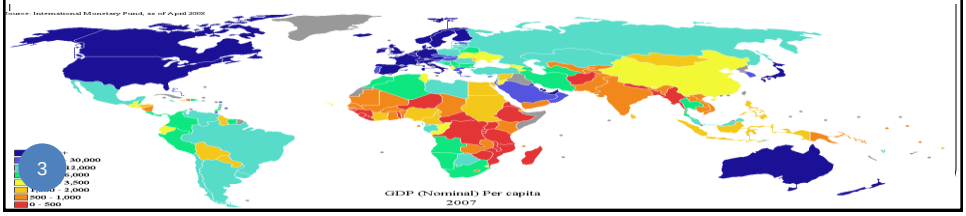
2

Figure 1. Share of Natural Capital around the World



Tỷ phần vốn tự nhiên so tổng của cải quốc gia và GDP bình quân đầu người

Source: World Bank (2008).
Note: The share of natural capital is defined as the ratio of natural capital over total wealth. Natural capital is sum of Crop, Pasture Land, Timber, Non Timber Forest, Protected Areas, Oil, Natural Gas, Coal, and Minerals. Total wealth is sum of net foreign assets, produced capital, natural capital and intangible capital. Total wealth is calculated as the present value of future consumption that is sustainable, discounted at a rate of time preference of 1.5 percent, over 25 years. Intangible capital is obtained as the residual of total wealth minus net foreign assets, natural capital, and produced capital.

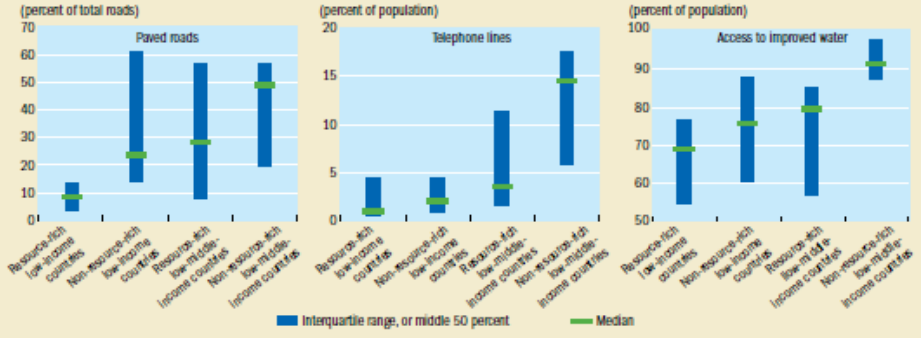


3

Chart 1

Less support

Resource-rich countries tend to have poorer infrastructure than non-resource-rich countries.



Sources: IMF, World Economic Outlook; and IMF staff estimates.
Note: Latest available data since 2000.

4

Những điệp khúc hay được nhắc đến

- Dầu ngày càng trở nên khan hiếm
- Dầu là nguồn tạo ra sự giàu có phù phiếm
- Dầu đẩy con người đến tham nhũng và bạo lực
- Dầu tàn phá độ màu mỡ đất đai
- Dầu bào mòn nhà nước và xã hội
- Dầu hủy hoại môi trường
- Dầu châm ngòi cho chiến tranh
- Dầu tạo ra các đế chế
- Dầu là "Họa", không phải là "Phúc"

Nghịch lý của sự giàu có nguồn lực tài nguyên
"Paradox of plenty"



5

NATURAL RESOURCE ABUNDANCE AND ECONOMIC GROWTH

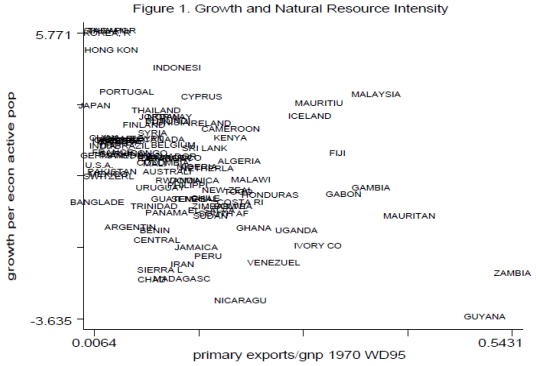
Jeffrey D. Sachs and Andrew M. Warner

Center for International Development and
Harvard Institute for International Development

Harvard University
Cambridge MA

November, 1997

Figure 1. Growth and Natural Resource Intensity

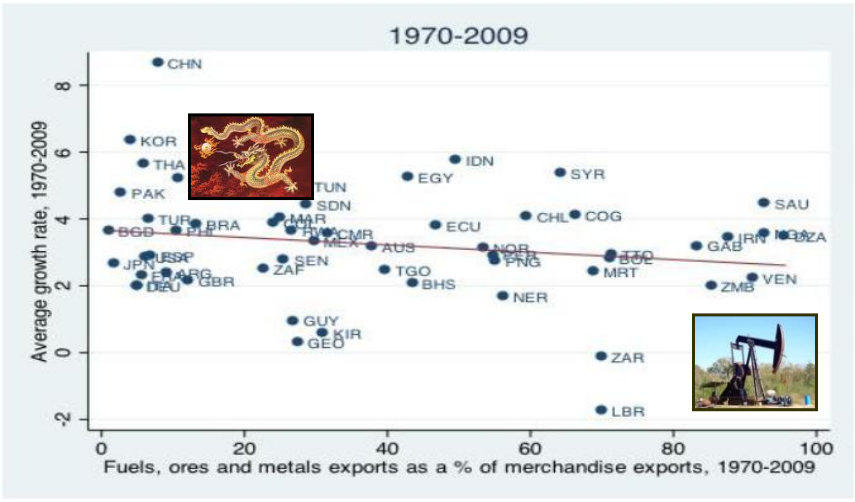


One of the surprising features of modern economic growth is that economies abundant in natural resources have tended to grow slower than economies without substantial natural resources. In this paper we show that economies with a high ratio of natural resource exports to GDP in 1970 (the base year) tended to grow slowly during the subsequent 20-year period 1970-1990. This negative relationship holds true even after controlling for many variables found to be important for economic growth by previous authors. We discuss several theories and present additional evidence to understand the source of this negative association.

Jeffrey Sachs và Andrew Warner (1997): quan hệ nghịch biến giữa xuất khẩu hàng sơ cấp (nông nghiệp, khoáng sản và nhiên liệu) với tăng trưởng kinh tế.

6

Figure 1: Statistical relationship between mineral exports and growth. Nguồn: Frankel (2012)



Data source: *World Development Indicators*, World Bank

Frankel (2012): những nước giàu tài nguyên (dầu, khí gas) đối mặt với những thách thức kinh tế lớn cả trong ngắn hạn (doanh thu xuất khẩu tài nguyên biến động) và dài hạn (tăng trưởng thấp).

7

Tài nguyên và tăng trưởng

- *Nước phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên tăng trưởng chậm hơn các nước đang phát triển khác?*
  - *Jeffrey Sachs và Andrew Warner (1997):* quan hệ nghịch biến giữa xuất khẩu hàng sơ cấp (nông nghiệp, khoáng sản và nhiên liệu) với tăng trưởng kinh tế.
  - *Frankel (2012):* những nước giàu tài nguyên (dầu, khí gas) đối mặt với những thách thức kinh tế lớn cả trong ngắn hạn (doanh thu xuất khẩu tài nguyên biến động) và dài hạn (tăng trưởng thấp).

⇒*"Lời nguyền tài nguyên"*

8

Lời nguyền tài nguyên đến từ đâu?

- Sachs và Warner (1995): *"Căn bệnh Hà Lan"*
- Lane và Tornell (1996): *"Hiệu ứng lòng tham"* và *"Chất lượng thể chế"*
- Frankel (2012):
  1. *Biến động giá* hàng hóa cơ bản
  2. *Lấn át* các ngành sản xuất công nghiệp
  3. *Thể chế* yếu và chuyên quyền
  4. *Chính sách* tài khóa, tiền tệ và *dòng vốn* có tính thuận chu kỳ

9

Căn bệnh Hà Lan

- Nguồn gốc từ Hà Lan khi nước này khám phá khí gas tự nhiên vào 1960s và trục trặc xảy ra.
- Suy giảm công nghiệp hoá (deindustrialization) xảy ra khi việc khám phá và khai thác tài nguyên kéo theo nội tệ lên giá, hàng công nghiệp chế tạo giảm sức cạnh tranh, nhập khẩu tăng và xuất khẩu giảm.

10

Cơ chế diễn ra Căn bệnh Hà Lan

- Giả định nền kinh tế toàn dụng và không có chuyển dịch vốn quốc tế.
- Hai loại hàng hóa:
  - T (ngoại thương) và N (phi ngoại thương)
- Tỉ giá hối đoái thực RER (hay ε).
  - tỷ số giữa giá hàng T và N.
- Giả sử quốc gia phát hiện dầu và xuất khẩu dầu. GDP tăng, cầu hàng T và N tăng. Chuyện gì sẽ xảy ra?
  - Tác động chi tiêu
  - Phân bổ lại nguồn lực
  - RER giảm hay giá hàng N tăng

11

Cơ chế diễn ra Căn bệnh Hà Lan

- Do nền kinh tế toàn dụng, giá hàng N tăng, lao động và vốn chuyển từ sản xuất hàng T sang N. Tiền lương tăng ở cả hai khu vực. Hàng T kém cạnh tranh do giá đầu ra cố định trong khi chi phí lao động cao hơn. Sản xuất công nghiệp bị thu hẹp và RER lên giá.
- Tăng trưởng chậm, đầu tư sản xuất giảm, tăng trưởng năng suất giảm theo. Đầu tư chuyển vào hàng N có năng suất thấp. Ngắn hạn có thể tăng phúc lợi nhưng không tốt trong dài hạn vì không phát triển năng lực công nghệ, tích lũy vốn con người, và không thể chuyển dịch trở lại sản xuất công nghiệp khi tài nguyên cạn kiệt.

12

Căn bệnh Hà Lan với các tác động của sự bùng nổ tài nguyên

- Lên giá thực nội tệ
- Gia tăng chi tiêu chính phủ
- Tăng giá hàng hóa phi ngoại thương
- Dịch chuyển sản xuất ra khỏi ngành hàng sản xuất công nghiệp
- Thâm hụt cán cân vãng lai

13

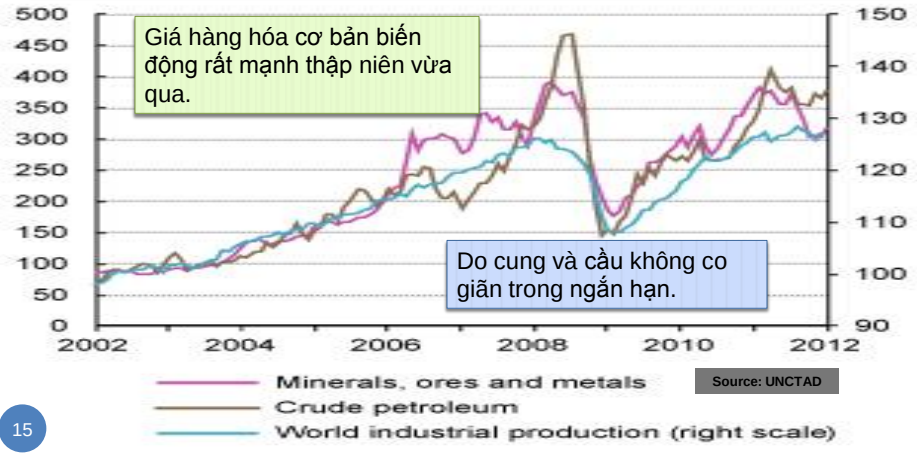
Hiệu ứng lòng tham và chất lượng thể chế

- Lane và Tornell (1996)
  - "Hiệu ứng lòng tham" (veracity effect): doanh thu từ tài nguyên và hành vi trục lợi, tham nhũng và phi hiệu quả
  - Chất lượng thể chế thấp ở nước phụ thuộc tài nguyên vì lợi tức tài nguyên
    - Không thúc đẩy các chính sách định hướng tăng trưởng và sự phát triển của tầng lớp trung lưu
    - Giúp các nhà độc tài mua chuộc đối thủ chính trị
    - Tăng lợi ích kinh tế của việc duy trì quyền lực, do đó giới chính trị gia sẽ cản trở thay đổi thể chế
    - Khuyến khích giới doanh nhân có năng lực dùng thời gian và tiền bạc tìm kiếm trục lợi thay vì đầu tư vào hoạt động có năng suất

14

Biến động giá hàng hóa cơ bản

- Biến động lớn không tốt cho tăng trưởng
- Rủi ro tạo sự ức chế đầu tư tư nhân
- Dịch chuyển nguồn lực qua lại giữa các khu vực



15

Lấn át các ngành sản xuất công nghiệp

- Sản xuất công nghiệp – lợi thế kinh tế theo qui mô, phát huy học hỏi thông qua làm việc, đạt lợi thế so sánh động và năng suất từ tác động lan tỏa
- Trong khi các ngành sản xuất hàng hóa cơ bản hay khai thác tài nguyên là những ngành "ốc đảo", không nhiều mối liên kết

16

Thể chế yếu và chuyên quyền có thể làm chậm sự phát triển

1. Không có động cơ đa dạng hoá hoạt động kinh tế
2. Đầu tư vào chương trình xã hội và dự án không hiệu quả
3. Không chú ý nhiều vào giáo dục và vốn nhân lực
4. Các chương trình chiến lược và mục tiêu phát triển dài hạn bị bỏ qua
5. Không bị sức ép cải cách chính sách và tăng cường năng lực khu vực công, hiệu quả và minh bạch
6. Trục lợi, tham nhũng, nội chiến, và mâu thuẫn

17

Chính sách vĩ mô và dòng vốn thuận chu kỳ

- Dòng vốn (thực tế so với lý thuyết) ngày càng có tính thuận chu kỳ
- Chính sách tài khóa
  - Nguồn thuế tăng từ khu vực tài nguyên bùng nổ
  - Hai loại chi tiêu khó cưỡng: dự án đầu tư "thế kỷ" và lương khu vực công
- Chính sách tiền tệ
  - Bùng nổ tài nguyên tăng nguồn thu ngoại tệ, tăng dự trữ và cơ chế tỷ giá cố định kéo theo tăng cung tiền và sức ép lạm phát
- Tỷ giá hối đoái thực tăng giá ngay cả cơ chế cố định hay thả nổi

18

Liệu lời nguyền tài nguyên là có thật?

- Kinh nghiệm các nước xuất khẩu tài nguyên thiên nhiên rất đa dạng.
  - Nigeria xuất khẩu dầu, vẫn nghèo.
  - Botswana xuất khẩu kim cương, tăng trưởng cao.
  - Mỹ (sản xuất khoáng sản lớn nhất TK19), Anh (than đá), Đức (quặng sắt): liên kết thuận (forward linkage) ngành khoáng sản và công nghiệp hóa.
- Tất cả các nước có trữ lượng tài nguyên dồi dào đều phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên?

19



Botswana
1966-1999: tăng trưởng 9% năm
Kiểm soát chi tiêu công
Đa dạng sản xuất công nghiệp
Minh bạch doanh thu tài nguyên



20

Country	Main Export	Other Exports
Botswana	**Diamonds 88.2%**	**Nickel 8.1**
Chad	Oil 99.9%	
Ghana	Cocoa 46	Manganese 7.2
Kenya	Tea 16.8	Flowers 14.2
Nigeria	**Oil 92.2**	
S. Africa	Platinum. 12.5	Coal 8; Gold 7.9
Tanzania	Gold 10.9	Fish 9.7; Copper 8.6
Zambia	Copper 55.8	Cobalt 7
Sub-Saharan Africa	Oil 49.2	Diamonds 12.6; Nickel 7.8

Nguồn: số liệu năm 2005, tính trên tổng xuất khẩu
Archibald Ritter (2010)

Dầu tập trung ở Niger **Delta, Nigeria**:
- 89% doanh thu của chính phủ
- 25% GDP
- 95% kim ngạch xuất khẩu
- Ô nhiễm môi trường và suy giảm độ màu đất
- Mâu thuẫn sắc tộc
- Thất nghiệp cao và 60% dân số dưới ngưỡng nghèo

Nước giàu tài nguyên luôn phụ thuộc tài nguyên?

- Jean-Philippe Stijns (2005)
  - Không.
  - Vấn đề không phải ở tài nguyên mà là quốc gia làm gì với tài nguyên .
  - *Phụ thuộc* tài nguyên (tỷ lệ X tài nguyên trên tổng X hay X tài nguyên trên GDP cao) là do thất bại trong việc sử dụng tài nguyên để thúc đẩy công nghiệp hóa - thước đo thất bại kinh tế.
- Làm thế nào để thành công trong việc sử dụng tài nguyên cho công nghiệp hóa?

21

Nước giàu tài nguyên luôn phụ thuộc tài nguyên?

- Gavin Wright và Jesse Czelusta (2004)
  - Tài nguyên không thể tái sinh có thể được mở rộng đáng kể thông qua khai thác, nhờ tiến bộ công nghệ và đầu tư với kiến thức phù hợp
  - Công nghiệp hóa của Mỹ không do tài nguyên mà nhờ công nghệ khai thác khoáng sản được tạo ra bởi những mối liên kết ngành và đổi mới sáng tạo
  - Vấn đề không ở đặc tính thừa hưởng tài nguyên mà là bản chất của quá trình học hỏi, qua đó đạt được tiềm năng kinh tế từ nguồn lực này

22

Làm thế nào sử dụng tài nguyên thành công cho CNH?

- Phát triển nguồn lực này thành sản phẩm có GTGT cao - *hiệu ứng liên kết thuận* (forward linkage effects)
- Ngành khoáng sản đòi hỏi *năng lực công nghệ* (sắt thành thép, than đá thành điện, đồng thành dây dẫn)
- *Ngăn bệnh Hà Lan*
  - Phá giá để đưa RER trở lại mức cạnh tranh
    - Indonesia thời kỳ bùng nổ dầu: phá giá kích thích sản xuất hàng T
    - Hóa giải tác động của các dòng vốn vào
  - Chính sách ngân sách nghịch chu kỳ ngăn lạm phát và RER lên giá
- *Chất lượng thể chế* và *tính minh bạch*

23

Chất lượng thể chế và tính minh bạch

- Chất lượng thể chế thấp hơn ở các nước phụ thuộc tài nguyên
- Phụ thuộc tài nguyên tạo thể chế tồi hay thể chế tồi dẫn đến phụ thuộc tài nguyên? Hay cả hai chiều?
- Andrew Williams (2011): mối quan hệ mật thiết giữa sự phụ thuộc tài nguyên với sự thiếu minh bạch của chính phủ. Thiếu minh bạch giải thích được một phần xu hướng các nước phụ thuộc tài nguyên tăng trưởng chậm hơn.

24

Botswana – minh bạch và đa dạng hóa sản xuất

- Giành độc lập từ Anh (1966)
- Nước tăng trưởng nhanh nhất châu Phi
- Ngành công nghiệp kim cương # 1/3 GDP và chiếm tỷ trọng 70-80 kim ngạch xuất khẩu
- National Integrity System (NIS)
  - Kiểm soát chi tiêu công, chống tham nhũng
- Extractive Industries Transparency Initiative (EITI)
  - Minh bạch doanh thu tài nguyên
- Đa dạng sản xuất công nghiệp

25

Chile - Quỹ tài nguyên không thể tái sinh

- Trích dự phòng doanh thu từ tài nguyên không thể tái sinh đưa vào quỹ đặc biệt nhằm hạn chế sự tiếp cận của các nhà hoạch định chính sách
- Giảm cầu nội địa bằng cách hóa giải tác động của dòng vốn vào
- Cắt bỏ mối liên kết chi tiêu của chính phủ với xu hướng giá hàng nguyên liệu.
- Quỹ bình ổn đồng của Chile được thiết lập năm 1986 đã tích lũy hơn 5 tỉ đô-la
  - Được thay thế năm 2006 bằng Quỹ bình ổn Kinh tế và xã hội, nắm giữ thặng dư của chính phủ hơn 1% GDP
  - Do một ủy ban độc lập được ngân hàng trung ương chỉ định quản lý

26

Na Uy - Quỹ hưu trí của chính phủ

- Thiết lập năm 1990 (Quỹ dầu lửa Na Uy) do ngân hàng trung ương điều hành, tài trợ từ việc đánh thuế khai khoáng
- Đầu tư vào trái phiếu và vốn chủ sở hữu ở nước ngoài
- Lợi nhuận dùng trả lương hưu cho công dân

How Norway's $710-billion wealth fund earned 13.4 per cent last year

JOACHIM DAGENBORG AND BALAZS KORANYI

OSLO — Reuters

Published Friday, Mar. 08 2013, 3:44 PM EST

Norway's sovereign wealth fund, one of the world's biggest investors, grew by around $100-billion (U.S.) in 2012, sealing one of its best years on record as it benefited from the striking upturn by stock markets.

Known as the "oil fund," it invests revenue from Norway's lucrative oil industry for the country's future. It is now worth around $710-billion, 40 per cent more than the value of the entire Norwegian economy.

27

Giàu có tài nguyên thiên nhiên - Phúc hay Họa?

- Không nhất thiết là "họa"
- Vấn đề mang tính hai mặt – "phúc" và "họa"
- Bước qua cạm bẫy hướng theo con đường thành công



28

Tài nguyên thiên nhiên - Phúc hay Họa?

- Tài nguyên và tăng trưởng
- Lời nguyền tài nguyên đến từ đâu?
  - *"Bệnh Hà Lan"*
  - *"Hiệu ứng lòng tham"* và *"Chất lượng thể chế"*
  - *Biến động giá* hàng hóa cơ bản, *Lấn át* các ngành sản xuất công nghiệp, *Thể chế* yếu và chuyên quyền, *Chính sách* tài khóa, tiền tệ và *dòng vốn* thuận chu kỳ
- Nước giàu tài nguyên luôn phụ thuộc vào tài nguyên?
- Để thành công trong việc sử dụng tài nguyên cho công nghiệp hóa?
  - *Hiệu ứng liên kết thuận*
  - *Năng lực công nghệ*
  - *Ngăn bệnh Hà Lan*
  - *Chất lượng thể chế* và *tính minh bạch*

29